

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG XƯƠNG
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 16/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 19 - 7 - 2023

V/v Không công nhận vợ chồng.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG - TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Thúy

Bà Nguyễn Thị Lê Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, Thanh Hoá.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Công Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai vụ án thụ lý số 75/2023/TLST- HNGĐ ngày 10/4/2023 về việc: “Không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn H - sinh năm 1970 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn P, xã Quảng Tr, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T - sinh năm 1971 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn P, xã Quảng Tr, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:**

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị T tự nguyện tìm hiểu, yêu thương, chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1988 đến nay, có tổ chức cưới theo phong tục nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn với nhau theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2007 thì

phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Từ năm 2008 đến nay anh chị ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay anh xét thấy không còn tình cảm với chị T nên anh làm đơn đề nghị Toà án giải quyết cho anh ly hôn chị T.

- Về con chung: Anh và chị T không có con chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản và công nợ: Tại đơn khởi kiện ly hôn, anh H yêu cầu toà án phân chia tài sản chung vợ chồng là diện tích đất 545m² tại thửa đất số 766, tờ bản đồ số 3 tại xã Quảng Tr, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá đã được cấp GCNQSDĐ tên anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị T. Tuy nhiên, đến ngày 24/4/2023, anh H có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng vì anh chị đã tự thoả thuận với nhau nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

*** *Tại bản tự khai và quá trình giải quyết bị đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:***

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn H tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1988 đến nay, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian chung sống hạnh phúc đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp, anh chị đã ly thân từ năm 2008 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh H làm đơn yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn thì chị T đồng ý.

- Về con chung: Chị và anh H không có con chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản và công nợ: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** *Kết quả xác minh tại địa phương:***

Qua xác minh tại UBND xã Quảng Tr, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa: Qua rà soát sổ đăng ký kết hôn từ năm 1987 đến nay, không có tên anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị T đăng ký kết hôn tại UBND xã Quảng Tr. Anh chị không có con chung. Tuy nhiên trong sổ hộ khẩu gia đình, chủ hộ Nguyễn Văn H có tên cháu Nguyễn Duy Q, sinh ngày 10/7/2009 ghi quan hệ với chủ hộ là “con”, nhưng theo giấy khai sinh của cháu Q chỉ ghi họ tên mẹ là Nguyễn Thị T, không ghi tên cha.

Trước khi chung sống với anh H, chị T cư trú tại xã Quảng Hoà, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá. Vì vậy, Toà án đã tiến hành xác minh tại UBND xã Quảng Hoà, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá xác định: Qua rà soát sổ đăng ký kết hôn từ năm 1988 đến nay không có tên anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị T đăng ký kết hôn.

Như vậy, có cơ sở khẳng định anh H và chị T chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

* *Tại phiên tòa*, anh H và chị T nhận thức được việc không đăng ký kết hôn thì chưa phải vợ chồng theo quy định của pháp luật, vì vậy, anh chị thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng đối với anh chị. Anh H và chị T đều khẳng định rằng: Anh chị đã ly thân từ năm 2007 đến nay, khẳng định cháu Nguyễn Duy Q là con riêng của chị T, cháu Q không phải con của anh H, giấy khai sinh của cháu chỉ có mình tên mẹ là Nguyễn Thị T, không có tên cha nên anh chị không yêu cầu tòa án giải quyết. Về tài sản và công nợ: Anh chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

* *Đại diện VKS phát biểu quan điểm:*

- Về tố tụng: Quá trình thiết lập hồ sơ vụ án, Thẩm phán, HĐXX và Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70,71,72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

+ Về hôn nhân: anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1988, nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân gia đình Việt Nam. Nay anh H yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng giữa anh và chị Nguyễn Thị T. Vì vậy yêu cầu này của anh H là có căn cứ, đúng pháp luật nên đề nghị HĐXX chấp nhận.

+ Về con chung: Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị T không có con chung.

+ Về tài sản và công nợ: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu chia tài sản mà anh H đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1988 cho đến nay, nhưng chưa đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật Việt Nam. Như vậy việc kết hôn của anh H và chị T không tuân thủ theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia

đình Việt Nam nên không có giá trị về mặt pháp lý. Nay anh Nguyễn Văn H đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị Nguyễn Thị T. Chị Nguyễn Thị T đồng ý. Căn cứ Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình, không công nhận quan hệ vợ chồng của anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị T.

- Về con chung: Anh H và chị T đều trình bày là anh chị không có con chung. Theo xác minh tại địa phương, chị T có một người con riêng tên là: Nguyễn Duy Q, sinh ngày 10/7/2009. Anh chị thống nhất khẳng định đã không còn chung sống với nhau từ năm 2007 đến nay, và khẳng định cháu Q không phải con của anh H. Giấy khai sinh của cháu Q chỉ có tên mẹ là Nguyễn Thị T còn phần họ tên cha để trống. Như vậy, việc cháu Nguyễn Duy Q là con riêng của chị T là tình tiết không phải chứng minh theo Điều 92 BLDS. Xác định anh H và chị T không có con chung.

- Về tài sản và công nợ: Tại đơn khởi kiện ly hôn, anh H yêu cầu toà án phân chia tài sản chung vợ chồng là diện tích đất 545m² tại thửa đất số 766, tờ bản đồ số 3 tại xã Quảng Tr, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá đã được cấp GCNQSDĐ tên anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị T. Tuy nhiên, đến ngày 24/4/2023, anh H có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản. Chị T không yêu cầu chia tài sản. Vì vậy, đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của anh H là phù hợp.

[3] Về án phí: Quá trình giải quyết vụ án, anh H đã rút yêu cầu chia tài sản nên trả lại cho anh H án phí đối với yêu cầu chia tài sản. Anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Điều 9,14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Khoản 2 Điều 21; Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015;

Điểm b khoản 1 Điều 3; Điều 6; khoản 3 Điều 18; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án; Tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II Danh mục án phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung của anh H.

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị T.

- Về con chung: Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị T không có con chung. Cháu Nguyễn Duy Q, sinh ngày 10/7/2009 là con riêng của chị Nguyễn Thị T.

- Về tài sản và công nợ: Anh H và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí:

+ Anh Nguyễn Văn H phải nộp 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) anh H đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0009771 ngày 10/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá. Anh Nguyễn Văn H đã nộp đủ án phí Dân sự sơ thẩm.

+ Trả lại cho anh Nguyễn Văn H số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng) anh H đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0009770 ngày 10/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá.

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị T. Anh H và chị T có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND huyện Quảng Xương;
- Chi cục THADS huyện Quảng Xương;
- UBND xã Quảng Tr;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thanh Huyền